TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2021/LĐ-ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2021
V/v: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tỉnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga

Nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Xuyên Mộc

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/ TLST – LĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-LĐ ngày 11/6/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-LĐ ngày 09/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 30/8/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phùng Thị L, sinh năm: 1971

Địa chỉ: số nhà 341/9 Tổ 9, khu phố Phước Hòa, thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Vĩnh H, theo giấy ủy quyền lập ngày 12/3/2021 có chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân xã Phước Tân. (Bà L và ông H có mặt).

2. *Bị đơn*: Quỹ tín dụng

Trụ sở: Quốc lộ 55, thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân H, chức vụ: Chức tịch Hội đồng quản trị (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trước đây nguyên đơn đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, không để ngày tháng năm làm đơn nhưng theo dấu bưu điện Tòa án nhận được ngày 08/4/2019, với nội dung: Bà Phùng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Quỹ tín dụng trái luật, buộc Quỹ tín dụng bồi thường số tiền 79.000.000đ. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện theo Thông báo số 70/TB-TA ngày 18/4/2019 nhưng nguyên đơn không thực hiện, sau đó Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn theo thông báo số 04/TB-TA ngày 27/5/2019, sau đó nguyên đơn liên tục gửi đơn đến cơ quan chức năng trong đó có Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng không làm thủ tục khiếu nại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến ngày 19/10/2020 nguyên đơn lại tiếp tục làm đơn khởi kiện về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động có đề ngày 19/10/2020 với nội dung như những đơn khởi kiện trước đây, theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại tòa án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn yêu cầu cụ thể như sau:

Vào năm 2001 (bà L không nhớ rõ ngày, tháng) và tại phiên tòa xác định là vào năm 2003 cũng không nhớ rõ ngày, tháng bà Phùng Thị L và Quỹ tín dụng (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) có thiết lập hợp đồng lao động với nội dung: Công việc của bà L là là tạp vụ, gồm những công việc chính như lao công, quét dọn, nấu nước...Người đưa bà L vào làm ở Quỹ tín dụng là ông Trương Xuân Hậu, ông Lương và cả bà Thái Thị Thúy Liễu. Khi làm việc thì hai bên có ký hợp đồng lao động nhưng hiện nay do bà L không còn giữ hợp đồng lao động nên bản thân bà L không rõ là loại hợp đồng lao động gì (xác định thời hạn, hay không xác định thời hạn), hiện nay bà chỉ nhớ công việc của mình sáng 7 giờ có mặt, đến trưa thì nghỉ, khoảng 13 giờ chiều lại có mặt. Lương của bà L ban đầu chỉ có 250.000đ/tháng, sau đó lên 700.000đ, sau đó tăng dần lên 1.200.000đ thì chấm dứt. Ngoài lương ra thì trong thời gian lao động cũng có tiền lễ, tết tháng thứ 13 và còn được thưởng, khi nhận lương và các khoản phụ cấp thì có ký nhận vào sổ sách của Quỹ tín dụng. Đối với các loại bảo hiểm thì bà Phùng Thị L chỉ tự mua bảo hiểm y tế còn không có tham gia bảo hiểm gì khác.

Hợp đồng lao động giữa bà Phùng Thị L và Quỹ tín dụng thì chỉ ký có 1 lần vào năm 2001 nhưng bà L cho rằng đã làm mất, hiện nay không có để cung cấp cho Tòa án.

Ngoài công việc tạp vụ ra thì bà L còn được Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Trương Xuân Hậu phân công ngồi phía trước trụ sở cơ quan, nếu có khách vô thì pha trà mời nước và bà L có bày hàng nước giải khát ra để bán nhưng không bán được, chỉ để cho có lệ. Quỹ tín dụng cũng có bảo vệ cơ quan và bảo vệ cũng ngồi ngoài trực.

Đến năm 2018 thì Quỹ tín dụng chấm dứt hợp đồng lao động với lý do:

Ngày 10/01/2018 (hôm thứ 6) có người trong quỹ tín dụng bị mất tài sản (điện thoại), mọi người nghi cho bà L, sáng hôm đó bà L đến cơ quan Công an làm việc, chiều ngày 10/01/2018 bà L không đến làm việc, hai ngày sau là thứ 7, chủ nhật là ngày nghỉ, sáng thứ hai bà L đến làm việc thì đã có người khác làm. Từ đó đến nay bà L chưa được nhận lương cho những ngày đã làm việc.

Ngoài ra còn lý do đưa nhầm tiền cho bà L, cụ thể có ngày nhận lương thì cô Nhi là kế toán đưa nhầm cho bà Phùng Thị L số tiền lương hơn 7 triệu (thực ra đây là tiền lương của bà Thái Thị Thúy Liễu), sau đó bà Phùng Thị L mang số tiền này ra biển để bán hàng rong nhưng bị mất, sau đó Quỹ tín dụng đã trừ lương của bà Phùng Thị L hàng tháng, trừ chưa hết thì cô Thái Thị Thúy Liễu cho bà Phùng Thị L luôn.

Ngày 13/01/2018, bà L đến Quỹ tín dụng Xuyên Mộc đi làm như mọi ngày thì được ông Trương Xuân Hậu – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng Xuyên Mộc thông báo đã chấm dứt hợp đồng lao động (Thông báo bằng lời nói) với bà L vì lý do là bà L nghỉ ngang. Sau đó bà L có làm đơn khiếu nại Quỹ tín dụng Xuyên Mộc về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà L trái pháp luật.

Ngày 01/10/2018, Quỹ tín dụng Xuyên Mộc ban hành văn bản số 25/QTDXM với nội dung hỗ trợ cho bà L số tiền 10.800.000 đồng, nhưng không giao văn bản này cho bà L để bà L thực hiện quyền khiếu nại của mình mà sau này khi làm việc với cơ quan nhà nước mới có.

Nay, bà L khởi kiện Quỹ tín dụng Xuyên Mộc với yêu cầu như sau:

- Tuyên việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Quỹ tín dụng nhân dân đối với bà Phùng Thị L là trái pháp luật.

- Quỹ tín dụng Xuyên Mộc có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ cho bà L các khoản tiền như sau:

+ Tiền lương từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2019 (15 tháng) theo mức lương 1.200.000 đồng/tháng tương ứng số tiền 18.000.000 đồng;

+ Nay bà L không muốn tiếp tục làm việc tại quỹ tín dụng nữa nên yêu cầu Quỹ tín dụng phải bồi thường thêm 34 tháng lương (17 năm x 1.200.000đ x 2 = 40.800.000đ), phần này pháp luật quy định hai bên thỏa thuận tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất là 02 tháng tiền lương.

+ Tiền trợ cấp thôi việc là 17 năm x 1.200.000đ x ½ = 10.200.000đ.

Tổng cộng là 69.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2021 cũng như các biên bản làm việc tiếp theo tại Toà án cũng như tại phiên toà hôm nay, đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày như sau:

Vào năm 2003 thì Quỹ tín dụng bắt đầu thuê bà L làm lao công, công việc chính chỉ có dọn dẹp vệ sinh trụ sở 150m^2 với hình thức bán thời gian buổi sáng làm khoảng 01 giờ (từ 7h-8h), buổi chiều 01 (từ 1h-2h) và trả tiền theo ngày, theo hình thức công nhật, nếu ngày nào nghỉ thì không lấy lương kể cả thứ 7 và chủ nhật, ngoài ra thời giờ làm việc của bà L có thể linh động, làm giờ nào cũng được hoặc người nhà

bà L làm thay cũng được, miễn sao trụ sở cơ quan sạch sẽ, Quỹ tín dụng cũng không quản lý thời gian cũng như con người đối với bà L nên bà L còn có thời gian bán nước giải khát trước cổng của trụ sở, trong khi những người lao động khác thì phải làm việc 8 giờ/ ngày, thậm chí cán bộ nhân viên của Quỹ tín dụng còn làm việc đến 10 giờ/ngày.

Về tiền công nếu bà L không muốn nhận tiền công theo ngày thì có thể gửi lại chỗ bộ phận thủ quỹ và cuối tháng sẽ nhận, thường thì cuối tháng mới nhận. Tiền công này được thực hiện từ năm 2003 đến năm 2018 thì có thay đổi, thời gian đầu mỗi tháng chỉ 200.000đ - 300.000đ, sau này tăng dần đến năm 2018 thì tiền công là 1.200.000đ/tháng, ngoài ra không còn chế độ nào khác, không có bảo hiểm y tế hay bảo hiểm xã hội.

Số tiền hàng ngày trả cho bà Phùng Thị L chỉ là tiền công theo ngày chứ không phải là tiền lương như những nhân viên có hợp đồng lao động khác, tuy tiền công trả cho cô Liễu hạch toán vào chi phí kinh doanh và đưa vào bảng lương chung của cơ quan thông qua bảng lương nhưng đối với phần của cô Liễu chỉ để dễ theo dõi vì chấm công theo ngày. Hơn nữa tiền công lao động của cô Liễu luôn thấp hơn 1 tháng lương cơ bản.

Lý do Quỹ tín dụng không ký hợp đồng lao động thường xuyên với bà L vì xét thấy tính chất công việc đơn giản, làm mang tính chất thuê khoán nên không ký hợp đồng lao động, công việc dọn dẹp vệ sinh quá ít để sử dụng một nhân công lao động vì diện tích của trụ sở khoảng 150m^2, có tổng số 11 người làm việc nên chỉ hợp đồng lao động bán thời gian, hơn nữa tiêu chí để thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng không bắt buộc phải có nhân viên tạp vụ mà chỉ bắt buộc phải có nhân viên bảo vệ.

Đến cuối tháng 02/2018 thì bà L tự động bỏ việc chứ Quỹ tín dụng không đuổi việc hay áp dụng bất kỳ hình thức kỷ luật lao động nào với bà L. Khi bỏ việc cũng không báo cáo gì với Ban lãnh đạo của Quỹ tín dụng nhưng Ban lãnh đạo của Quỹ cũng tìm hiểu nguyên nhân cô Liễu bỏ việc và làm việc với cô Liễu nhưng cô nói là "không làm nữa" nên Quỹ tín dụng mới thuê người khác làm, người đang làm hiện nay cho quỹ tín dụng cũng chỉ là bán thời gian, thỏa thuận miệng chứ cũng không có hợp đồng lao động, giá tiền công hiện nay Quỹ tín dụng thỏa thuận với người mới là 1.500.000đ/tháng, còn việc mất điện thoại thì cũng là tranh chấp giữa bà L với nhân viên khác làm việc trong quỹ tín dụng, sự việc đã giải quyết xong, không liên quan gì đến Quỹ tín dụng.

Sau khi nghỉ việc, phía cô Liễu có đơn khiếu nại thì Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội huyện Xuyên Mộc có mời chúng tôi lên làm việc, chúng tôi có cam kết hỗ trợ cô Liễu mỗi năm làm việc là ½ tháng lương của cô Liễu, tổng số là 10.800.000đ nhưng cô Liễu không đồng ý. Sau đó chúng tôi có làm thư mời cô Liễu mời đến trụ sở nhận tiền hỗ trợ cũng như tiền công trong những ngày đã làm việc nhưng cô Liễu gửi lại giấy mời và nói là để đi khiếu nại cơ quan ban ngành.

Trong hoạt động của Quỹ tín dụng thì định kỳ một năm 1 lần Ngân hàng Nhà nước kiểm tra các hoạt động của Quỹ tín dụng về tổ chức nhân sự, quỹ tiền lương, công tác hoạt động kinh doanh thì cũng không phê bình hay nhắc nhở gì về hợp đồng lao động với bà L, do chúng tôi cũng không vi phạm pháp luật lao động đối với bà L. Sự việc trình bày tại Tòa án cũng giống như ý kiến của Quỹ tín dụng tại Văn bản số 25/QTDXM ngày 01/10/2018 của Quỹ tín dụng gửi cơ quan ban ngành nơi mà bà L khiếu nại cũng như bản thân bà L.

Từ những ý kiến nêu trên, bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, chỉ hỗ trợ số tiền đúng như văn bản số 25/QTDXM là 10.800.000đ và tại phiên tòa hôm nay Quỹ tín dụng đồng ý hỗ trợ thêm 5.000.000đ nâng cho bà L tổng số tiền hỗ trợ cho bà L là 15.800.000đ cùng với tiền công bà L chưa nhận trong những ngày làm việc ở tháng 02/2018 là 600.000đ.

* *Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án về cơ bản là đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi thụ lý đơn không xử lý đúng thời hạn;

Về nội dung vụ án, xét thấy giữa bà L và Quỹ tín dụng là có quan hệ lao động nhưng là quan hệ thuê khoán việc, không ràng buộc trách nhiệm pháp lý về những nội dung như: thời gian, tiền lương, bảo hiểm xã hội và kỷ luật lao động nên việc các người lao động cũa có quyền chấm dứt khi công việc đã hoàn thành trong từng giai đoạn, đối với công việc hàng ngày thì chấm dứt khi hết ngày và nhận tiền công, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động; ghi nhận ý kiến của bên bị đơn về việc hỗ trợ bà L số tiền 15.8000.000đ và thanh toán tiền công cho bà L trong những ngày đã làm việc của tháng 02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng thẩm quyền*: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị L thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 32 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung yêu cầu tranh chấp của đương sự*:

Qua lời khai nhận của các bên đương sự và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: vào năm 2003 giữa bà Phùng Thị L và Quỹ tín dụng có thiết lập quan hệ việc làm nhưng hiện nay không xác định được loại hợp đồng lao động vì các bên không cung cấp được hợp đồng lao động nhưng các bên thống nhất được những nội dung công việc như sau: Bà Phùng Thị L làm công việc dọn vệ sinh cho

trụ sở Quỹ tín dụng có trụ sở tại thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc từ khoảng năm 2003 đến tháng 02/2018 thì không làm nữa, tiền công được trả theo từng thời điểm từ năm 2003 đến năm 2018 lên mức cao nhất là 1.200.000đ/tháng, ngoài tiền công ra không còn chế độ nào khác như tiền thưởng hay đóng hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác như những nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng.

Đến năm 2018 thì các bên chấm dứt quan hệ việc làm, sau đó bà L đi khiếu nại và sau khi làm việc với Phòng Lao động & Thương binh, xã hội huyện Xuyên Mộc thì Quỹ tín dụng có văn bản số 25/QTDXM ngày 01/10/2018 của Quỹ tín dụng gửi cơ quan ban ngành nơi mà bà L khiếu nại cũng như bản thân bà L.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đều đưa ra những chứng cứ lý lẽ để bảo về cho quan điểm của mình là đúng, nguyên đơn cho rằng: hợp đồng được ký kết từ năm 2003-2018 giữa các bên có ký hợp đồng lao động nhưng không nhớ rõ là loại hợp đồng gì, do đã mất nên không cung cấp được cho Tòa án, chỉ mô tả được nội dung công việc như: dọn dẹp vệ sinh trụ sở, các phòng lãnh đạo và nấu nước, mỗi ngày làm việc toàn thời gian, sau khi làm xong công việc của mình thì ngồi chờ và bán nước cho khách, thỉnh thoảng có thể giúp khách hàng đi photo ở nơi khác và được cho tiền còn dư, đến tháng 02 năm 2018 thì Quỹ tín dụng không cho bà L làm nữa, ngang nhiên cắt hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật; phía bị đơn cho rằng giữa các bên chỉ có quan hệ việc làm từ năm 2003 bằng hình thức khoán việc, chứ không phải là hợp đồng lao động nên không ký kết hợp đồng khoán việc hay hợp đồng lao động, công việc chính là dọn dẹp trụ sở cơ quan và được chi trả một khoản thì thù lao theo từng thời điểm, do khoán việc nên bà L có thể nhờ chồng hoặc con làm thay cũng được, không bắt buộc bà L phải có mặt tại trụ sở trong giờ làm việc, miễn sao cơ quan sạch sẽ là được nên bà L mới có thời gian bán nước giải khát trước cổng trụ sở, ngoài ra lúc trước Quỹ tín dụng chưa có máy photo nên mỗi lần bà L đi pho tô hồ sơ giúp khách hàng là do khách hàng nhờ bà L và có thù lao chứ không phải lãnh đạo Quỹ tín dụng giao nhiệm vụ đi photo cho bà L.

[3] Về điều luật áp dụng: Các bên đều cho rằng thiết lập quan hệ việc làm ở giai đoạn 2003 và kết thúc vào năm 2018 nên áp dụng các quy định có liên quan về hợp đồng lao động ở thời điểm giao kết để giải quyết vụ việc.

Về hợp đồng lao động được quy định tại Điều 26 Bộ luật lao động năm 1994 quy định: "*Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động*" và các loại hợp đồng lao động được quy định tại Điều 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi năm 2002 như sau "*Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây: a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng; b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn. Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng*

trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng"

Về nội dung của hợp đồng phải có những thỏa thuận cơ bản theo quy định tại Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi năm 2002 như sau "*Hợp đồng lao động phải có những nội dung chủ yếu sau đây: công việc phải làm, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, địa điểm làm việc, thời hạn hợp đồng, điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội đối với người lao động*" và những nội dụng khác như thời điểm có hiệu lực và thời điểm chấm của hợp đồng lao động, quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất. Về thời gian làm việc Bộ luật lao động quy định "không quá 8 giờ trong một ngày hoặc 48 giờ trong một tuần" và thời giờ làm việc được rút ngắn một đến hai giờ nếu thuộc lĩnh vực độc hai nguy hiểm theo danh mục của Bộ lao động Thương binh & xã hội ban hành"

Đối chiếu với những quy định của pháp luật nêu trên và xét ý kiến của các bên cho thấy:

Về giao kết hợp đồng lao động: Các bên đều không cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động, chỉ mô tả công việc thực hiện trong thực tế và nhận tiền công do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để khẳng định quan hệ lao động giữa các bên là loại hợp đồng lao động có thời hạn, hợp đồng lao động không xác định thời hạn hay hợp đồng mùa vụ theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xác định những nội dung mà các bên đưa ra như sau:

Về thời thời giờ làm việc công việc bà L mô tả và thời gian làm việc là cả ngày nhưng với khối lượng công việc là quét dọn diện tích 3 phòng làm việc và nấu 01 ấm nước pha trà hết thời gian 08 giờ là không phù hợp với thực tế mà đây chỉ là lý do bà L đưa ra để chứng minh mình là nhân viên hợp đồng toàn thời gian của Quỹ tín dụng, bị đơn cho rằng khối lượng công việc ít và chiếm ít thời gian nên chỉ thuê khoán đối đối với bà L là mỗi ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần là 02 giờ và làm việc trước khi nhân viên tín dụng Quỹ tín dụng giao dịch nghiệp vụ tín dụng đối với khách hàng, điều này phù hợp với thực tế lao động để bảo đảm an toàn trong lĩnh vực ngân hàng, hơn nữa bản thân bà L cũng xác nhận còn bán nước trước cổng trụ sở và đi photo giúp khách hàng và được khách hàng cho tiền thù lao, chứng tỏ ngoài nội dung công việc quét dọn 02 giờ/ngày, Quỹ tín dụng không quản lý bà L về mặt thời gian lao động.

Về tiền công lao động các bên đều thống nhất, thời gian đầu tiền công là 200.000đ/tháng và tăng dần đến năm 2018 là 1.200.000đ/tháng là mức lương tùy từng thời điểm bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật, ngoài ra không còn chế độ nào khác như tham gia bảo hiểm xã hội, hưởng các chính sách phúc lợi khác mà Quỹ tín dụng giành cho nhân viên của mình, bản thân bà L tham gia bảo hiểm y tế theo hình thức tự nguyện theo chính sách hộ nghèo và cận nghèo tại địa phương nhưng bà L vẫn chấp nhận làm công việc mà Quỹ tín dụng thuê

khoán trong suốt một thời gian dài không có thắc mắc khiếu nại gì đối với Quỹ tín dụng nên hơn ai hết bà L phải biết vị trí công việc của mình trong quỹ tín dụng chỉ là hợp đồng thuê khoán việc.

Thời điểm từ năm 2013 đến năm 2018 là thời điểm các bên vẫn duy trì quan hệ lao động như trước đó chấm dứt quan hệ việc làm là thời điểm hợp đồng lao động, đối chiếu với quy định của Bộ luật lao động năm 2012 thì quan hệ việc làm giữa bà L và Quỹ tín dụng cũng không thỏa mãn các quy định tại Điều 15, 16 và 23 Bộ luật lao động, do đó không có căn cứ để cho rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động là trái pháp luật để buộc người sử dụng lao động phải có nghĩa vụ do chấm dứt hợp đồng trái pháp luật theo quy định của Điều 42 Bộ luật lao động để giải quyết chế độ do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị L về việc tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động để buộc Quỹ tín dụng thanh toán cho bà L số tiền 69.000.000đ.

Xét quan hệ việc làm của bà L với Quỹ tín dụng từ năm 2003 đến năm 2018 dựa trên cách mô tả công việc như nêu trên thì quan hệ việc làm giữa các bên là theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ theo các điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 và 519 Bộ Luật dân sự năm 2015, do đó việc chấm dứt hợp đồng khoán việc được quy định theo Điều 520 của Bộ luật này, quá trình chấm dứt hợp đồng bà L đã chấm dứt hợp đồng vào tháng 02/2018, Quỹ tín dụng cũng đã tính tiền công cho bà L trong những ngày làm việc nhưng bà L không nhận, nay ghi nhận ý kiến của Quỹ tín dụng thanh toán cho bà L số tiền công trong những ngày đã làm việc là 600.000đ.

Tại phiên tòa ghi nhận sự hỗ trợ của của Quỹ tín dụng nhân dân cho bà Phùng Thị L số tiền 15.800.000đ khi chấm dứt hợp đồng dịch vụ việc làm.

Tổng số tiền Quỹ tín dụng phải trả cho bà Phùng Thị L là 16.400.000đ.

Về án phí lao động sơ thẩm:

Người khởi kiện không phải nộp án phí lao động sơ thẩm do được miễn nộp.

Quỹ tín dụng phải nộp án phí trên số tiền phải thanh toán cho bà Phùng Thị L (16.400.000đ x 3%) = 492.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 32, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 22, 42, 123, 124, 126, 201, 202 và Bộ luật Lao động các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 và 520 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị L đối với bị đơn Quỹ tín dụng về việc "tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Tuyên bố chấm dứt thỏa thuận dịch vụ khoán việc giữa bà Phùng Thị L đối với Quỹ tín dụng.

Buộc Quỹ tín dụng phải thanh toán cho bà Phùng Thị L số tiền 16.400.000đ, (trong đó 15.800.000đ là tiền hỗ trợ và 600.000đ là tiền công của bà L chưa được nhận)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[2].Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Phùng Thị L không phải nộp do được miễn nộp.
- Quỹ tín dụng phải nộp số tiền 492.000đ án phí lao động sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lữu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngọ Văn Tỉnh